

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô MÔN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/DS-ST
Ngày: 05-02-2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN – THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Trần Thanh Thế.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Sĩ Trung.
2. Bà Ngô Thị Út Hậu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn.

Trong ngày 05 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 103/2017/TLST-DS ngày 25/10/2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2018/QĐXXST-DS ngày 03/01/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa 01/2018/QĐST-DS ngày 19/01/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Trương Hoàng T** (tên thường gọi: Trương Hoàng D), sinh năm 1975. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 644, khu vực X, phường Tr, quận M, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Ông **Đinh Văn Tú E** (tên thường gọi: Đinh Văn T1), sinh năm 1975. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 195, Khu vực B, phường Tr, quận M, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn ông Trương Hoàng T trình bày:*

Vào ngày 21/9/2015, ông Đinh Văn Tú E có vay của ông số tiền 30.000.000 đồng, đến tháng 12 năm 2015 ông Tú E tiếp tục vay thêm số tiền 15.000.000 đồng, tổng cộng hai lần vay là 45.000.000 đồng, có viết biên nhận

tay, lãi suất do hai bên thỏa thuận, ông Tú E nói khi nào ông cần lấy tiền thì cho ông Tú E hay trước 01 tháng. Từ khi ông Tú E vay tiền đến nay ông Tú E không đóng lãi cho ông tháng nào. Khi ông khởi kiện ông Tú E tại chính quyền địa phương thì ông Tú E thống nhất và hứa trả cho ông mỗi tháng 2.000.000 đồng, ông đồng ý và không yêu cầu tính lãi, nhưng ông Tú E chỉ trả được cho ông 01 tháng đầu là 2.000.000 đồng và ngưng không trả cho đến nay.

Nay ông yêu cầu ông Đinh Văn Tú E trả cho ông số tiền nợ là 52.900.000 đồng (*Năm mươi hai triệu chín trăm ngàn đồng*) và yêu cầu tiếp tục tính lãi đến khi tất toán nợ.

Trong đó: Vốn 45.000.000 đồng, lãi tính từ tháng 9 năm 2015 đến tháng 7 năm 2017 là 22 tháng x 1%/tháng = 9.900.000 đồng, tổng cộng là 54.200.000 đồng. Trừ số tiền ông Tú E đã trả cho ông là 2.000.000 đồng nên số tiền còn nợ lại là 52.900.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ đối với bị đơn ông Đinh Văn Tú E để tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng ông Tú E vắng mặt. Do đó, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được nên Tòa án chỉ tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 207 và Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn ông Trương Hoàng T có thay đổi yêu cầu khởi kiện, ông T yêu cầu bị đơn ông Đinh Văn Tú E trả số tiền nợ gốc là 43.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 25/7/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm (05/02/2018).

- Bị đơn ông Đinh Văn Tú E vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn và bị đơn có giao kết hợp đồng vay tiền, sau đó phát sinh tranh chấp nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự giữa cá nhân với cá nhân, được pháp luật dân sự điều chỉnh và thuộc thẩm

quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Đinh Văn Tú E đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông Tú E vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông Tú E theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Ngày 21/9/2015, ông Tú E có vay của ông T số tiền 30.000.000 đồng. Đến ngày 15/12/2015, ông Tú E vay thêm của ông T số tiền 15.000.000 đồng. Các lần vay tiền không có thỏa thuận lãi suất, có làm biên nhận viết tay. Tuy nhiên, biên nhận nợ đã không ghi đúng tên thật của các đương sự mà ghi theo tên thường gọi của ông T là Trương Hoàng D và ông Tú E là Đinh Văn T1.

Theo thỏa thuận, khi nào ông T muốn lấy lại tiền thì thông báo trước 30 ngày cho ông Tú E biết nhưng ông Tú E đã không trả đúng hạn nên ông T có nộp đơn nhờ chính quyền địa phương giải quyết thì lúc này ông Tú E có hứa mỗi tháng trả cho ông T số tiền 2.000.000 đồng cho đến khi đủ số tiền 45.000.000 đồng và ông T không tính lãi. Sau đó, ông Tú E chỉ thực hiện việc trả nợ cho ông T được 01 lần vào ngày 05/12/2016 là 2.000.000 đồng, còn lại 43.000.000 đồng cho đến nay ông Tú E vẫn chưa trả lại cho ông T nên ông T khởi kiện ông Tú E để đòi số tiền nợ gốc là 43.000.000 đồng và tiền lãi tính từ tháng 9/2015 đến khi xét xử sơ thẩm.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Đối với yêu cầu đòi tiền nợ gốc, để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn đã cung cấp 01 Tờ mượn tiền ngày 21/9/2015 (viết tay) và 01 giấy viết tay ngày 15/12/2015 không ghi tiêu đề, có nội dung *“Tôi Văn T1 có mượn Hoàn D 15 triệu đồng. Bằng chữ mười năm triệu đồng vào ngày 15.12.2015”*

Theo 02 giấy biên nhận nêu trên thì các bên không có thỏa thuận về lãi suất. Tuy nhiên, ông T cho rằng do có quen biết nhau nên khi viết giấy nợ không có ghi lãi suất nhưng thực tế giữa các bên có thỏa thuận về việc tính lãi và ông Tú E tự nguyện đóng lãi cho ông T được 06 tháng kể từ ngày 21/9/2015 với mức lãi suất 12%/tháng trên số tiền 30.000.000 đồng.

Tại Biên bản hòa giải ngày 05/11/2016, ông Tú E cho rằng có đóng lãi 5.200.000 đồng trên tổng số tiền 45.000.000 đồng và thỏa thuận hàng tháng vào ngày 05 dương lịch, ông Tú E trả cho ông T số tiền 2.000.000 đồng cho đến khi

đủ số tiền 45.000.000 đồng. Từ đó có đủ cơ sở để khẳng định giao dịch vay tài sản giữa ông T và ông Tú E là có thật, ông Tú E cũng thừa nhận có nợ ông T số tiền 45.000.000 đồng. Lời thừa nhận nêu trên của ông Tú E thuộc trường hợp sự kiện không phải chứng minh được quy định tại Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự nên yêu cầu khởi kiện của ông T đối với số tiền nợ gốc 43.000.000 đồng là có căn cứ.

Đối với yêu cầu của ông T về tiền lãi, tại phiên tòa, ông T yêu cầu ông Tú E thanh toán tiền lãi với mức lãi suất 1%/tháng trên tổng số tiền nợ gốc là 43.000.000 đồng tính từ ngày 25/7/2017 đến khi xét xử sơ thẩm ngày 05/02/2018. Xét mức lãi suất mà ông T yêu cầu không trái quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Như vậy, tiền lãi được tính như sau:

$$(43.000.000 \text{ đồng} \times 1\%/\text{tháng}) \times 06 \text{ tháng} 11 \text{ ngày} = 2.738.000 \text{ đồng}.$$

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy mặc dù ông T có thay đổi yêu cầu khởi kiện nhưng không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu và có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T nên cần buộc ông Tú E trả cho ông T số tiền nợ gốc 43.000.000 đồng và tiền lãi là 2.738.000 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của ông T được chấp nhận nên ông Tú E phải chịu án phí có giá ngạch đối với nghĩa vụ trả nợ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 26, Điều 35, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Điều 305, 471, 474 và 476 Bộ luật dân sự 2005.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Hoàng T.

Buộc ông Đinh Văn Tú E trả cho ông Trương Hoàng T tổng số tiền 45.738.000 đồng (*Bốn mươi lăm triệu, bảy trăm ba mươi tám ngàn đồng*). Trong đó, tiền nợ gốc là 43.000.000 đồng và tiền lãi là 2.738.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đinh Văn Tú E phải nộp số tiền 2.287.000 đồng (*Hai triệu hai trăm tám mươi bảy ngàn đồng*).

Ông Trương Hoàng T được nhận lại số tiền 1.323.000 đồng (*Một triệu ba trăm hai mươi ba ngàn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 001506 ngày 18/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo. Đối với đương sự vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q. Ô Môn;
- Chi cục THADS Q. Ô Môn;
- TAND TP. Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*Đã ký*)

Bùi Trần Thanh Thế

